

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

MÃ SỐ: 62.52.02.08

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Giám đốc Học viện)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên chuyên ngành đào tạo:

- Tiếng Việt: Kỹ thuật Viễn thông
- Tiếng Anh: Telecommunication Engineering

1.2 Mã số chuyên ngành đào tạo: 62.52.02.08

1.3 Trình độ đào tạo:

- Tiến sĩ

1.4 Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- Tiếng Việt: Tiến sĩ Kỹ thuật Viễn thông
- Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Telecommunication Engineering.

1.5 Đơn vị đào tạo:

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông trình độ tiến sĩ có năng lực và phẩm chất của các chuyên gia cao cấp Kỹ thuật Viễn thông: sáng tạo các lý thuyết, mô hình và giải pháp khoa học-công nghệ tiên tiến trong Kỹ thuật Viễn thông và tổ chức triển khai các mô hình, giải pháp đó vào đời sống xã hội, đóng góp cho sự phát triển của ngành thông tin và truyền thông và của quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tiến sĩ Kỹ thuật Viễn thông tốt nghiệp tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là chuyên viên cấp cao về Kỹ thuật Viễn thông, có hiểu biết sâu rộng về Kỹ thuật Viễn thông hiện đại, có năng lực sáng tạo, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu và tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào đời sống xã hội.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có đủ trình độ và khả năng công tác tại các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức công nghiệp hoặc trở thành tư vấn cao cấp doanh nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo quy định của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông

3.2 Đối tượng tuyển sinh:

3.2.1 Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố

Người dự tuyển cần thỏa mãn một trong ba điều kiện sau:

a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông hoặc bằng thạc sĩ của các cơ sở đào tạo khác được chấp nhận tương đương và phù hợp.

b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông hoặc chuyên ngành phù hợp.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông loại giỏi trở lên.

Với các trường hợp b) và c) người dự tuyển phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học phù hợp với chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Danh mục các ngành, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ Kỹ thuật Viễn thông được trình bày trong Phụ lục I của Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện.

3.2.2 Điều kiện thâm niên công tác

Người dự tuyển cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự tuyển (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

4. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ ít nhất là 3 năm tập trung liên tục, đối với người có bằng đại học ít nhất là 4 năm tập trung liên tục.

- Đối với hình thức đào tạo không tập trung thì thời gian học và nghiên cứu tại Học viện ít nhất là 4 năm đối với người có bằng thạc sĩ và ít nhất là 5 năm đối với người có bằng đại học.

TIN
H
CÔ
BU
VIỄN

THÔNG

Handwritten mark

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1 Kiến thức chung

- Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề.
- Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương.

1.2. Kiến thức ngành/chuyên ngành

- Có trình độ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức nền tảng của ngành/chuyên ngành, lĩnh vực cụ thể của ngành Điện tử - Truyền thông.
- Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức ngành/chuyên ngành hiện có và từ đó phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành.
- Có khả năng chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết cũng như kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, mô phỏng.

1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông và thực tiễn xã hội.
- Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục.
- Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo.

2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.
- Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học.
- Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

3. Về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có hệ thống kiến thức toàn diện, tiên tiến và chuyên sâu về ngành và chuyên ngành, có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo để giải quyết vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết mới của chuyên ngành nghiên cứu.

- Có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông.

- Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, xây dựng các đề tài và công trình khoa học, tổng hợp kết quả nghiên cứu thành các báo cáo, bài báo khoa học, và công bố trong các hội nghị, tạp chí chuyên ngành.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn.

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Trung thực, năng động, khiêm tốn.
- Ham tìm hiểu và học tập suốt đời.
- Có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ luật pháp.

4.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy).
- Hành xử chuyên nghiệp, trung thành với tổ chức.
- Nhiệt tình, say mê công việc.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông gồm 5 phần với 96 tín chỉ như sau:

STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số tín chỉ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I. Các học phần bổ sung					
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	Cấp bằng thạc sĩ nếu NCS không bảo vệ luận án
2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8		
3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6	Trong 12 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	Cấp chứng chỉ
4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2		
III. Chuyên đề tiến sĩ			6		
5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2	Trong 18 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	Cấp chứng chỉ
6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2		
7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2		
IV. Tiểu luận tổng quan			2		
8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80		
9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80	Trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
Tổng cộng:			96		

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
I	Các học phần bắt buộc		6					
1	IGF5401	Học thuật hóa các bài toán kỹ thuật <i>Scientific Approaches to Technical Matters</i>	2	24	6	90		
2	ELE5401	Công cụ toán nâng cao cho điện tử - viễn thông <i>Advanced Mathematic Tools for Electronics - Telecommunications</i>	2	24	6	90		
3	TEL5401	Lý thuyết độ tin cậy <i>Reliability Theory</i>	2	24	6	90		
II	Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần)		2					
4	ELE5405	Lý thuyết thông tin và mã hóa <i>Information Theory and Coding</i>	2	24	6	90		
5	TEL5402	Phân tích và tính toán chất lượng mạng viễn thông <i>Quality Analysis for Communication Networks</i>	2	24	6	90		
6	TEL5403	Quang phi tuyến và ứng dụng <i>Nonlinear Optics and Applications</i>	2	24	6	90		
7	TEL5404	Truyền thông quang vô tuyến <i>Optical Wireless Communications</i>	2	24	6	90		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
8	TEL5405	Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến <i>Advanced Signal Processing for Wireless Communications</i>	2	24	6	90		

3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

STT	Nội dung đào tạo	Yêu cầu	Thời gian thực hiện	Số tín chỉ
1	Các học phần bổ sung	Theo quy định của Học viện	Trong 24 tháng đầu	
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ: Các học phần bắt buộc Các học phần tự chọn		Trong 12 tháng đầu Trong 12 tháng đầu	8 6 2
3	Chuyên đề tiến sĩ: Chuyên đề 1 Chuyên đề 2 Chuyên đề 3	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 18 tháng đầu Trong 18 tháng đầu Trong 18 tháng đầu	6 2 2
4	Tiểu luận tổng quan	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 24 tháng đầu	2
5	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	Ít nhất có 2 bài báo công bố trên các tạp chí theo quy định của Học viện	Trong thời gian đào tạo tiến sĩ	80